TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-PT
Ngày 04 tháng 4 năm 2019
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất; Tranh chấp tiền bồi thường"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ;

Các Thẩm phán:

1. Bà Tần Thị Thanh Hà
2. Ông Nguyễn Công Sự.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 3 và 04 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp tiền bồi thường";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐ-PT ngày 18/3/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 327/9B/119, Chung cư N, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Bà Đậu Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 22, tổ 17, Khu phố 5, thị T V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bà Vũ Thị T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 38, tổ 7, Khu phố 3, thị T V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (các văn bản ủy quyền ngày 10/11/2016).

2. Bị đơn: Ông Đỗ Khắc Q, sinh năm 1955;

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số 229, đường N, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Đỗ Khắc Q, sinh năm: 1955; địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Q, bà H: Ông Phạm Quốc T – Luật sư, Văn phòng Luật sư Phạm Quốc T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

3**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

Ông Lê Đức B, sinh năm 1979

Bà Hồ Thị Minh C, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số 231, tổ 4, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà C: Ông Đỗ Khắc Q, sinh năm: 1955; địa chỉ: 229, đường N, khu phố 8, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2016).

4. **Người kháng cáo**: Bị đơn ông Đỗ Khắc Q, bà Phạm Thị H.

5. **Viện kiểm sát kháng nghị**: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

(Bà H, bà T, ông Q, bà H, ông B và Luật sư T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2016, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai có tại hồ sơ đại diện nguyên đơn bà Đậu Thị H và bà Vũ Thị T Tình bày:

Bà Đỗ Thị T là công nhân Công ty xây dựng Thủy Lợi 40. Năm 1993, Công ty đã có Quyết định cấp đất cho nhiều cán bộ công nhân của công ty trong đó bà T cũng được cấp 01 lô đất, tại Quyết định cấp đất số: 125 VPB2-QLNĐ

ngày 23/8/1993 có diện tích là 6m x 32m và 30m2 nhà ở và có sơ đồ vị trí kèm theo, cũng vào năm 1993 bà H được cấp một phần diện tích đất cùng khu vực với bà T. Sau khi nhận nhà và đất, bà T đã quản lý và sử dụng đất trồng tràm bông vàng và xà cừ trên đất. Từ năm 2001 đến năm 2004, do công việc của bà T làm tại các công Tường ở đồng bằng Sông Cửu Long, nên bà T đã nhờ ông T là lãnh đạo công ty kiểm tra trông nom giúp. Đến năm 2005, bà T về làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng (QSD) đất nhưng không được, vì lý do khu đất này nằm trong khu vực 290 ha đang thanh tra nên không đăng ký được. Đến năm 2015, nghe tin được quyền đi kê khai đăng ký, nên bà T đã lên Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn V để đăng ký, thì được biết 03 lô đất của bà H, bà T và ông T gộp chung thành một thửa đất và bà H đã đi khai đăng ký và được cấp sổ đỏ. Sau đó, bà T đã làm đơn khiếu nại và UBND huyện V đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận QSD đất của bà H. Bà T đã yêu cầu bà H phải trả lại phần diện tích đất trên cho bà, nhưng bà H không đồng ý và cho rằng phần diện tích đất này do bà khai phá. Không đồng ý với ý kiến của bà H nên bà đã làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận QSD đất cho bà theo quyết định cấp đất, buộc bà H, ông Q trả lại đất đã lấn chiếm và yêu cầu được hưởng tiền đền bù đất khi nhà nước thu hồi để mở rộng đường.

Đối với tài sản trên đất ông Q đã tự nguyện tháo dỡ để trả lại đất cho bà T vì vậy đề nghị Tòa án không xem xét đến tài sản trên đất.

Đối với số tiền bồi thường bà T yêu cầu ông Q và bà H phải trả lại số tiền là 53.875.000 đồng là tiền bồi thường về đất. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thống nhất được số tiền nêu trên. Vì vậy, đề nghị Tòa án dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Đối với bản đồ đo vẽ, chứng thư thẩm định giá mà Tòa án tiến hành cùng cơ quan chuyên môn và chi phí tố tụng ai thua kiện thì phải chịu. Trong quá trình giải quyết đại diện bà T và bị đơn đã thống nhất, không ai thắc mắc khiếu nại gì sau này.

** Bị đơn ông Nguyễn Khắc Q, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị H và là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức B và bà Hồ Thị Minh C Tình bày*:

Ông không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu vợ chồng ông trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm và số tiền bồi thường như bà T đã trình bày. Vì vào năm 1993, bà T chưa vào làm việc tại Xí nghiệp Thủy lợi 40 thì không thể bà T được cấp đất. Còn việc bà T được cấp đất là do bà T và ông T là anh em với nhau nên ông T vẽ thêm vào bản vẽ. Đối với quyết định cấp đất là do ông T lấy 06 Quyết định cấp đất để trống điền thêm vào rồi ông T ký. Vì vậy, ông khẳng

định đây là hồ sơ giả mạo đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của bà T. Nếu như bà T chứng minh được quyền sở hữu của mình thì ông đồng ý trả cho bà T phần diện tích đất theo yêu cầu của bà T và không yêu cầu bồi thường gì thêm, ông sẽ tự nguyện dỡ nhà (quán) để Tả lại QSD đất cho bà T. Còn đối với số tiền bồi thường do giải phóng mặt bằng, ông sẽ đồng ý trả lại cho bà T là 53.875.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Đối với bản đồ đo vẽ, chứng thư thẩm định giá mà Tòa án tiến hành cùng cơ quan chuyên môn và chi phí tố tụng ai thua kiện thì phải chịu. Trong quá trình giải quyết ông và đại diện của nguyên đơn đã thống nhất, không ai thắc mắc khiếu nại gì sau này.

* *Bị đơn bà Phạm Thị H Tình bày*: Bà đi công nhân từ năm 1972 thuộc Bộ Thủy lợi, đến năm 1985 được chuyển vào xây dựng thủy điện Trị An. Do gia đình đông con nên Xí nghiệp liên hiệp Thủy lợi 4 đã cấp cho bà một mảnh đất để sinh sống vào năm 1993, bà đã khai hoang thêm để chăn nuôi bò, dê, nuôi các con đến 2015 không có tranh chấp gì, hàng năm bà đóng thuế đầy đủ. Năm 1995, bà có xác nhận của UBND thị trấn V là đất không có tranh chấp nên bà đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất, sau đó bị thu hồi, năm 2015 bà T đến tranh chấp. Nay bà đã có đầy đủ hồ sơ giấy tờ kèm theo. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Minh C Tình bày*:

Bà về làm dâu từ năm 2003 và đã sống trong căn nhà hiện tại. Năm 2013, bà có xin Ủy ban sửa chữa xây dựng. Từ khi bà về làm dâu không có sự tranh chấp nào, đến năm 2015 thì bà T đến tranh chấp, bà không đồng ý với yêu cầu của bà T. Đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà T để cho gia đình bà an tâm làm ăn sinh sống.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức B Tình bày*:

Ông sống trong phần diện tích đất tranh chấp từ năm 1993 trong căn nhà nhỏ, đến năm 2000, cha mẹ ông xây dựng thêm căn nhà nhỏ kế bên. Năm 2013, gia đình ông xin Ủy ban sửa chữa xây dựng nhà, quán và ở tới bây giờ. Trong thời gian ông sống trong căn nhà này, không có sự tranh chấp đất nào, đất là của cha mẹ ông, ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của bà T. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà T, để gia đình ông ổn định làm ăn sinh sống.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2018/DS-ST ngày 14/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 166, 168 Luật Đất đai năm 2013;

Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đỗ Khắc Q, bà Phạm Thị H, ông Lê Đức B và bà Hồ Thị Minh C phải có trách nhiệm trả lại cho bà Đỗ Thị T một phần diện tích đất có diện tích là 226.1m^2 một phần của thửa số 290 tờ bản đồ số 36 thị T V. Cụ thể tại bản vẽ số: 709/2017 ngày 14/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh V. Cụ thể tại các điểm 11,12,C,18,19,20,d,11 có kích thước cụ thể như sau: 11-12 = 6m; 12-C = 34m; C-18 = 4.45m; 18-19= 1,20m; 19-20= 4,80m; 20-d = 11m; d-11 = 26.44m.

Buộc ông Q, bà H, ông B và bà C phải có trách nhiệm tháo dỡ quán, nhà, nhà vệ sinh trên đất để trả lại QSD đất cho bà T.

Bà T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký QSD đất theo quy định.

Buộc ông Q và bà H phải có trách nhiệm Tả cho bà T số tiền bồi thường là 53.875.000 đồng (Năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 27/9/2018, bị đơn ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 26/9/2018, Viện Tưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V có Quyết định kháng nghị số 472/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/9/2018 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu Tanh luận:

Bà T khởi kiện, yêu cầu ông Q bà H trả lại đất và tiền do nhà nước thu hồi đất. Tòa sơ thẩm tuyên buộc ông Q bà H trả lại số tiền do nhận tiền bồi thường đất cho bà T là vượt quá yêu cầu khởi kiện. Hồ sơ ghi không đúng tên và năm sinh của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B và bà C. Khi thụ lý bổ sung, Tòa án không tống đạt cho đương sự. Việc hòa giải cơ sở không đúng qui định như số thửa đất, tờ bản đồ, không rõ quan hệ tranh chấp. Phó Chánh án ký Quyết định sửa chữa bổ sung bản án là không đúng qui định. Tòa án chưa thu thập hồ sơ của Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 để xác định tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ủy ban nhân dân huyện V đã thu hồi

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H, trong đó có 34m^2 đất không thuộc diện tích tranh chấp, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng không đưa UBND huyện V tham gia tố tụng là bỏ sót tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cấp sơ thẩm Thẩm định giá toàn bộ thửa 290, tờ bản đồ số 36 là không đúng qui định. Qua đó, Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm do thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và bỏ sót tư cách tố tụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trình bày quan điểm như sau:

Về kháng nghị: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai rút phần kháng nghị về tư cách tham gia tố tụng và xác minh thu thập chứng cứ, giữ nguyên nội dung kháng nghị về phần xác định lý lịch tư pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về nội dung kháng cáo: Diện tích đất tranh chấp là do Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 cấp cho bà T và bà H, có quyết định cấp đất tạm thời và sơ đồ kèm theo. Do đó, bà H cho rằng bà khai phá diện tích đất hiện đang tranh chấp là không có căn cứ.

Về kháng nghị:

Về nội dung cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 34m^2, theo đơn khởi kiện bổ sung đã thể hiện yêu cầu, nên Tòa án sơ thẩm giải quyết là không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Đối với nội dung phải đưa Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 và Ủy ban nhân huyện V tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Cấp sơ thẩm thẩm định giá toàn bộ thửa 290, tờ bản đồ số 36 mà không thẩm định giá phần đất tranh chấp. Sau khi thẩm định giá các đương sự đều thống nhất, không có ý kiến gì, nên không đặt ra xem xét.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau: Về họ tên, năm sinh của ông B và bà C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo hồ sơ có một số tài liệu ghi không đúng. Bản án sơ thẩm phát hành ghi tên ông Lê Văn B là không đúng về lý lịch tư pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không thể thi hành án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định, kháng nghị của Viện Tưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị về nội dung bỏ sót tư cách tham gia tố tụng và xác minh thu thập chứng cứ, chỉ giữ nội dung kháng nghị về xác định lý lịch tư pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông B và bà C.

[2] Xét kháng cáo của ông Q bà H:

[2.1] Về nguồn gốc đất Tanh chấp:

Ông Q bà H cho rằng: Năm 1993, bà H được Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40) cấp 01 lô đất để làm nhà ở theo Quyết định 429/QLĐN ngày 12/02/1993, bên cạnh diện tích đất được cấp có mảnh đất trống, nên ông bà khai phá thêm và sử dụng nuôi bò. Năm 2015, ông bà được cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất trên. Nhưng đến năm 2016, UBND huyện V đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay chưa được cấp lại. Năm 2015, bà T cho rằng phần đất mà ông Q bà H khai phá là đất do Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 cấp cho bà T, nên phát sinh Tanh chấp. Việc bà T khai bà là công nhân của Công ty Xây dựng Thủy lợi từ năm 1991 và năm 1993 được Công ty cấp đất theo Quyết định số 125/VPB2-QLNĐ ngày 23/8/1993 là giả mạo. Vì năm 1993, bà T chưa làm việc tại Công ty, bà T và ông Nguyễn Huy T là anh em nên ông T đã sử dụng các quyết định cấp đất còn để trống điền tên bà T vào, vẽ thêm vào bản vẽ. Vì vậy, ông bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Theo hồ sơ thể hiện: Năm 1991 bà T vào làm công nhân của Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 40) thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp Xây dựng Thủy lợi IV, năm 1993 bà được Công ty cấp tạm thời 01 lô đất tại Quyết định 125/ VPB2-QLNĐ ngày 23/8/1993 có diện tích 6m x 32m và 30m^2 nhà ở, có sơ đồ vị trí đất, nay thuộc một phần thửa 290, tờ bản đồ 36, thị trấn V.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Công ty Xây dựng Thủy lợi 40 thể hiện: Bà T vào làm việc tại Công ty vào năm 1991 và năm 1993 được cấp đất.

Về hồ sơ cấp đất: Tại kết luận giám định số 1897/C54B ngày 20/6/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Bản vẽ của bà T cung cấp không bị vẽ thêm, không bị tẩy xóa. Quyết định cấp đất của bà H bị tẩy xóa, sửa số từ 6 x13 thành 6 x 43, tại bản vẽ của bà H cũng được vẽ thêm.

Ông Q, bà H cho rằng việc sửa số trong quyết định cấp đất cũng như vẽ thêm vào bản vẽ, ông bà không thực hiện, còn ai sửa và vẽ thêm vào ông bà không biết.

Như vậy, lời khai nại của ông Q và bà H là không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q bà H cũng không cung cấp chứng cứ nào mới chứng minh cho lời khai nại này.

Qua lời khai của các đương sự, quyết định cấp đất tạm thời thể hiện: Tại thời điểm cấp đất (1993), toàn bộ diện tích đất (nay thuộc thửa đất 290) thuộc quyền quản lý của Công ty Xây dựng Thủy lợi 40. Bà T và bà H là công nhân của công ty và đều được Công ty cấp đất cùng năm 1993, kèm theo sơ đồ vị Tí đất. Do đó, việc ông Q bà H cho rằng phần đất tranh chấp là do ông bà khai phá là không có căn cứ.

[2.2] Đối với thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất và ranh giới quy hoạch đất Quốc phòng:

Cấp sơ thẩm đã làm việc với các cơ quan có thẩm quyền, tại văn bản số 3860/UBND-NC ngày 08/8/2018 của UBND huyện V về việc có ý kiến đối với vụ án như sau: Thửa đất số 290, tờ bản đồ 36 thị trấn V theo Quyết định 4326/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thì một phần thửa đất thuộc quy hoạch đất quốc phòng và một phần thửa đất qui hoạch đất ở đô thị. Theo Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định Tước ngày 15/10/1993 đến Tước ngày 01/7/2014 không có Tanh chấp, phù hợp qui hoạch thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Biên bản xác minh ngày 27/8/2018 với Ban chỉ huy quân sự huyện đội V thì Huyện đội V đã được giao đất và công nhận quyền sử dụng đất thửa 30 tờ bản đồ 36 diện tích 17.350m^2 vào năm 2016 , ranh giới không ảnh hưởng đến phần đất tranh chấp.

Tại văn bản trình bày ngày 07/02/2019, của đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Thủy lợi 40 thể hiện: Sau khi cấp đất cho công nhân quản lý sử dụng, sau đó quy hoạch lại phần phần diện tích đất của công ty thì phần diện tích

đất đã cấp thuộc quyền quản lý của UBND huyện V, công ty không còn quản lý hay ý kiến gì đối với phần đất đã cấp và đề nghị không đưa công ty vào tham gia tố tụng. Cạnh đó, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 845/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện V về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H có nội dung: Khi bà H kê khai đăng ký thửa 01 tờ bản đồ 37 thị trấn V, diện tích có tăng thêm nhưng chưa được xác minh về nguồn gốc từ đâu và không kiểm tra hiện trạng.

Như vậy, diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý của UBND huyện V. Năm 2015, UBND huyện đã công nhận quyền sử dụng đất cho bà H, ngày 08/01/2016 UBND huyện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H với lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp trái pháp luật, nên cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện V và Cty Thủy lợi 40 vào tham gia tố tụng là phù hợp.

Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ đầy đủ, toàn diện và khách quan, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Ông Q, bà H kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, nên kháng cáo không được chấp nhận.

[3] Về kháng nghị của Viện Tưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên rút phần kháng nghị về tư cách tham gia tố tụng và xác minh thu thập chứng cứ, giữ nguyên nội dung kháng nghị về phần lý lịch tư pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo đơn khởi kiện bà T, ghi tên con trai và con dâu bà H là Lê Văn B sinh năm 1979 và Hoàng Thị C sinh năm 1979, nên Tòa án sơ thẩm thông báo thụ lý họ tên năm sinh của ông B và bà C như nội dung đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, đã thu thập các tài liệu đúng họ tên, năm sinh của ông B bà C và ông B và bà C đã lập thủ tục ủy quyền cho ông Q tham gia tố tụng. Sau khi phát hành bản án chính có sai sót tên của ông B so với bản án gốc, Tòa án sơ thẩm đã ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 50/2018/QĐ-SCBSBA ngày 27/9/2018 sửa chữa, bổ sung tên ông B là Lê Đức B là đúng theo qui định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự. Do cấp sơ thẩm có sai sót về họ tên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng sau khi có Kháng nghị đã khắc phục, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị hủy án sơ thẩm do sai sót tên của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Về quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H trả lại đất đã lấn chiếm, và được nhận số tiền bồi thường do nhà nước thu hồi phần đất để làm đường. Trong quá trình giải quyết vụ án, Trung tâm phát triển quỹ đất- Chi nhánh V đã chi trả tiền bồi thường do thu hồi đất cho bà H. Cạnh đó, các bên đều thống nhất số tiền là 53.875.000đ. Ông Q và bà H đều đồng ý trả cho bà T theo yêu cầu nên cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Q bà H giao trả lại số tiền trên là không vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Đơn khởi kiện, thông báo thụ lý ban đầu ghi không đúng tên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng và đầy đủ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng của mình. Bản án chính khi phát hành có sai sót so với bản án gốc về họ tên người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, do Thẩm phán Chủ tọa hết nhiệm kỳ nên Phó chánh án ký thay Chánh án quyết định sửa chữa, bổ sung bản án là đúng qui định tại Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về biên bản hòa giải cơ sở đã thực hiện đúng qui định, do thửa đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H vào năm 2015 ghi là thửa số 1 tờ bản đồ số 37 nên nội dung hòa giải tranh chấp không thể hiện số thửa 290, tờ bản đồ số 36. Do đó, Luật sư cho rằng việc hòa giải không đúng số tờ, số thửa đất tranh chấp là không đúng.

Về thẩm định giá: Việc thẩm định giá tòan bộ thửa đất 290, tờ bản đồ 36 là không đúng. Tuy nhiên, sau khi thẩm định các bên đương sự đều thống nhất ai thua kiện thì người đó chịu phí, không khiếu nại thắc mắc gì về sau nên không xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Đối với việc Luật sư cho rằng bỏ sót tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND huyện V và Công ty Xây dựng Thủy lợi 40, như đã phân tích ở phần trên là không cần thiết.

Từ những phân tích trên, quan điểm của Luật sư không phù hợp chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh tụng nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa không phù hợp với chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ, kết quả tranh tụng và nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Ông Q bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H, không chấp nhận kháng nghị của Viện Tưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 85, 86, 147, 157, 165, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 168 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Đỗ Thị T.

Buộc ông Đỗ Khắc Q, bà Phạm Thị H, ông Lê Đức B và bà Hồ Thị Minh C phải có trách nhiệm trả lại cho bà Đỗ Thị T diện tích đất là 226.1m2, thuộc một phần của thửa số 290, tờ bản đồ số 36, thị T V, được giới hạn bởi các mốc giới 11, 12, C, 18, 19, 20, d, 11, theo bản vẽ số: 709/2017 ngày 14/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - C nhánh V.

Buộc Đỗ Khắc Q, bà Phạm Thị H, ông Lê Đức B và bà Hồ Thị Minh C phải có trách nhiệm tháo dỡ quán, nhà, nhà vệ sinh trên đất để trả lại quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị T.

Bà Đỗ Thị T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Buộc ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị T số tiền bồi thường là 53.875.000 đồng (Năm mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Về chi phí tố tụng: Ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H phải chịu 29.480.000đ tiền chi phí tố tụng, do bà Đỗ Thị T đã nộp, nên buộc ông Q bà H phải có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền 29.480.000đ.

Về án phí:

Ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về tranh chấp quyền sử dụng đất và 2.693.750đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu về tiền bồi thường.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T 7.200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 001853 ngày 06/12/2016 và 500.000đ tại biên lai thu số 001490 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Ông Đỗ Khắc Q và bà Phạm Thị H mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí

phúc thẩm mà mỗi người đã nộp, tại các biên lai thu số 004862 ngày 27/9/2018, biên lai thu số 004898 ngày 22/10/2018 của C cục Thi hành án dân sự huyện V.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bi cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- C cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Sỹ